

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HS-ST
Ngày: 08-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Thanh Học.

Bà Lâm Lệ Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:

Ông Phạm Văn Ni – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2020/TLST-HS, ngày 18 tháng 8 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HS, ngày 26 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Thị Thúy Q. Sinh ngày 14 tháng 12 năm 1991 tại H – Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp 4, xã A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Hồng N; chồng: Hiện không có chồng, con: Có một người con, sinh năm 2012; tiền án: Không, tiền sự: 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị Ủy ban nhân dân xã A

ra Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 18/3/2020 áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng; nhân thân: Xấu; bị tạm giữ ngày 14/4/2020, bị tạm giam ngày 20/4/2020. (có mặt)

2. Hoàng Quốc V. Sinh ngày 20 tháng 11 năm 1987 tại H – Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp 4, xã A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Hồng N; chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bị Ủy ban nhân dân xã A ra Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 01/4/2020 áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng; nhân thân: Xấu; ‘bị tạm giữ ngày 14/4/2020, bị tạm giam ngày 20/4/2020. (có mặt)

- *Bị hại:* Chị Bùi Thị T, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố 1, phường C, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Mai Văn H2, sinh năm 1992. Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố 1, phường C, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1952. Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố 1, phường C, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

- *Người làm chứng:* Bà Lâm Ngọc T2 (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nội dung bản Cáo trạng số: 34/CT-VKSHT ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang đã truy tố Hoàng Thị Thúy Q, Hoàng Quốc V về hành vi như sau: Vào ngày 11/4/2020, Hoàng Thị Thúy Q cùng với con gái tên Hoàng Thảo N, sinh năm 2012 và anh trai tên Hoàng Quốc V đi từ M, Tiền Giang đến nhà cha ruột tên Hoàng Văn H tại Tổ 4, Khu phố 1, phường C, thành phố H, ông H đã đi vắng, trong nhà chỉ có

Mai Văn H2 và vợ là Bùi Thị T (là người thuê nhà của ông H). Đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 13/4/2020, do không có tiền đi về lại thành phố M, tỉnh Tiền Giang, Hoàng Thị Thúy Q và Hoàng Quốc V (anh em ruột) thấy chị Bùi Thị T đang ở một mình, Q kêu T vào trong phòng của ông H yêu cầu đưa 1.000.000 đồng, T nói không có tiền; Q tiếp tục hỏi chiếc xe máy 68K-125.96 do T đang quản lý có phải là xe của ông H không, T nói không phải, thì Q dùng tay đánh vào mặt T 01 cái, rồi nắm hai tay T cho V dùng dây điện thoại, băng keo quấn hai tay và hai chân của T. Q tháo chiếc nhẫn vàng trên tay của T; Q và V bỏ đi ra phòng khách, V lấy chiếc điện thoại của T đang để trên bàn. T tháo được băng keo trói chân, đi theo xin lại điện thoại, thì bị Q kéo vào khu vực nhà bếp, V dùng băng keo dán miệng T. Q lấy chiếc xe máy gắn biển số 68K-125.96 của T, chở theo con gái tên Hoàng Thảo N, còn V điều khiển xe máy biển kiểm soát 63AS-024.79 cùng nhau rời khỏi hiện trường. Chị T tự tháo băng keo dán miệng và băng keo trói chân ra ngoài truy hô và nhờ bà Lâm Ngọc T2 tháo dây sạc điện thoại và băng keo trói tay, rồi đến cơ quan Công an trình báo sự việc.

Hoàng Quốc V và Hoàng Thị Thúy Q sau khi chiếm đoạt tài sản của chị T, cả hai điều khiển xe về thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Trên đường đi, Q vào tiệm vàng “O Phát” tại số 5, lô B, ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp bán chiếc nhẫn vàng được 1.230.000 đồng (không thu hồi được). Còn chiếc xe máy gắn biển kiểm soát 68K-125.96 và điện thoại nhãn hiệu OPPO F9 thì V và Q đưa về xã A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H phát hiện bắt giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 09/BB-HĐ ngày 17/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố H kết luận: (BL 54-57)

1. Một xe mô tô gắn biển kiểm soát 68K1-125.96, màu sơn đen, số máy JC52E-4287939, số khung: không xác định được (xe đã cũ, qua sử dụng và không có giấy tờ đăng ký xe), (xe đã qua sử dụng) giá 6.000.000 đồng.

2. Một điện thoại di động hiệu CPH1825/OPPOF9, màu tím, số IMEL1: 860163043976450; IMEI2: 860163043976443 (đã qua sử dụng) giá 2.500.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản là 8.500.000 đồng (Tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 12/BB-HĐ ngày 07/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự - Ủy ban nhân dân thành phố H kết luận: (50-53)

Một chiếc nhẫn loại vàng 10k, mặt hình con cóc có đính nhiều hạt đá màu trắng, trọng lượng 8,2 phân (tài sản không thu hồi được), giá 1.312.000 đồng.

Vật chứng trong vụ án:

1) Một điện thoại di động hiệu CPH1825/OPPOF9, màu tím, số IMEL1: 860163043976450; IMEI2: 860163043976443 (đã qua sử dụng);

2) Một xe mô tô màu sơn đen, số máy JC52E-4287939, số khung: không xác định được (xe đã cũ, qua sử dụng và không có giấy tờ đăng ký xe), (xe đã qua sử dụng);

3) Một biển kiểm soát xe máy số 68K1-125.96;

4. Một cuộn băng keo đường kính 8,5 cm;

5. Một dây sạc điện thoại màu trắng dài 1,03 m;

6. Một đoạn băng keo dính một mặt màu vàng kích thước (04 x 0,53) cm;

7. Ba đoạn băng keo trong bị biến dạng có chiều dài lần lượt là 1,17 m; 0,7 m và đoạn còn lại bị vo tròn kích thước (5,5 x 06 cm).

Vật chứng ở mục số 1 đã trả lại cho chị Bùi Thị T là chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số 675 ngày 24/6/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H; vật chứng mục số 2 đến mục số 7 hiện đang bảo quản tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Hoàng Quốc V và Hoàng Thị Thúy Q phạm Tội cướp tài sản.

- Áp dụng khoản 1 Điều 168, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt mỗi bị cáo mức án từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc gia đình các bị cáo đã bồi thường số tiền 2.000.000 đồng và bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

- Về vật chứng: Đề nghị ghi nhận quyết định xử lý vật chứng số 675 ngày 24/6/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H; Trả lại cho bị hại một xe mô tô màu sơn đen, số máy JC52E-4287939; Tịch thu, tiêu hủy tất cả số vật chứng còn lại.

- Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận gì, xin lỗi bị hại, xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị hại không có ý kiến tranh luận gì, chỉ xin lại chiếc xe mô tô, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận gì, anh H2 xin được trả lại chiếc xe mô tô.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội. Qua xem xét các lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, tại phiên tòa và lời khai của những người tham gia tố tụng cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và chứng minh tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ 30 phút, ngày 13/4/2020 tại nhà của ông Hoàng Văn H thuộc Tổ 4, Khu phố 1, phường C, thành phố H, Hoàng Thị Thúy Q và Hoàng Quốc V đã dùng vũ lực, dùng dây điện thoại, băng keo dính một mặt trời

tay, chân, dán miệng của chị Bùi Thị T để chiếm đoạt 01 chiếc nhẫn loại vàng 10k; một điện thoại di động hiệu OPPOF9, màu tím; một xe mô tô gắn biển kiểm soát 68K1-125.96, màu sơn đen (đã qua sử dụng). Tổng giá trị tài sản là 9.812.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Hoàng Thị Thúy Q và Hoàng Quốc V đã cấu thành Tội cướp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự. Cụ thể:

“Điều 168. Tội cướp tài sản

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm”.

[2] Xét tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo có đầy đủ năng lực nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, dùng vũ lực khống chế bị hại để chiếm đoạt nhiều tài sản, qua định giá có tổng giá trị tài sản là 9.812.000 đồng. Hành vi của bị cáo không những làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, mà còn gây nên tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có bàn bạc kỹ lưỡng, câu kết chặt chẽ, phân công vai trò cụ thể nên chỉ là đồng phạm giản đơn, tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo là ngang nhau.

[3] Xét về nhân thân: Tài liệu về lý lịch thể hiện các bị cáo có nhân thân xấu, chưa từng có tiền án, nhưng mỗi bị cáo đều có 01 tiền sự về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”, đang trong thời gian bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn thời hạn 03 tháng mà lại thực hiện hành vi phạm tội, cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo rất kém.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội, có thái độ thành khẩn khai báo; đã

tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả xong cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; cha của các bị cáo là ông Hoàng Văn H là người có công với cách mạng, nên Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng cho các bị cáo tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Về áp dụng hình phạt: Xét thấy cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo sao cho vừa đảm bảo tính giáo dục, vừa răn đe phòng ngừa chung. Xét thấy cần cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội trong một thời gian đủ để cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, biết tôn trọng pháp luật, sống có ích cho gia đình và xã hội. Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tuy nhiên các bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội trong thời gian bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn nên cần xử mức án nghiêm. Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là hoàn toàn phù hợp và tương xứng với hành vi, hậu quả mà các bị cáo đã gây ra nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số 675 ngày 24/6/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H về việc trả cho chị Bùi Thị T một điện thoại di động hiệu CPH1825/OPPOF9, màu tím, số IMEI1: 860163043976450; IMEI2: 860163043976443 (đã qua sử dụng). Trao trả một xe mô tô màu sơn đen, số máy JC52E-4287939, số khung: không xác định được (xe đã cũ, qua sử dụng và không có giấy đăng ký xe) cho chị Bùi Thị T là người quản lý hợp pháp, trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu về chiếc xe mô tô nêu trên thì giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tịch thu, tiêu hủy tất cả số vật chứng do không còn giá trị sử dụng, gồm: Một biển kiểm soát xe máy số 68K1-125.96; Một cuộn băng keo đường kính 8,5 cm; Một dây sạc điện thoại màu trắng dài 1,03 m; Một đoạn băng keo dính một mặt màu vàng

kích thước (04 x 0,53) cm; Ba đoạn băng keo trong bị biến dạng có chiều dài lần lượt là 1,17 m; 0,7 m và đoạn còn lại bị vo tròn kích thước (5,5 x 06 cm).

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 168, 17, 38, 47, 51, 58 của Bộ luật Hình sự;
- Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự;
- Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Quốc V và Hoàng Thị Thúy Q phạm Tội cướp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 168, Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Hoàng Quốc V 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2020.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thị Thúy Q 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/4/2020.

2. Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận việc bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: Một biển kiểm soát xe máy số 68K1-125.96; Một cuộn băng keo đường kính 8,5 cm; Một dây sạc điện thoại màu trắng dài 1,03 m; Một đoạn băng keo dính một mặt màu vàng kích thước (04 x 0,53) cm; Ba đoạn băng keo trong bị biến dạng có chiều dài lần lượt là 1,17 m; 0,7 m và đoạn còn lại bị vo tròn kích thước (5,5 x 06 cm).

- Trao trả một xe mô tô màu sơn đen, số máy JC52E-4287939, số khung: không xác định được (xe đã cũ, qua sử dụng và không có giấy tờ đăng ký xe) cho chị Bùi Thị T là người quản lý hợp pháp. Trường hợp có tranh chấp về quyền sở hữu về chiếc xe mô tô nêu trên thì giải quyết theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Các vật chứng nêu trên hiện đang bảo quản tại kho vật chứng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo Quyết định chuyển vật chứng số 21/QĐ-VKSHT ngày 14/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H và Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/8/2020 giữa đại diện Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố H và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

- Ghi nhận Quyết định xử lý vật chứng số 675 ngày 24/6/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H về việc trả cho chị Bùi Thị T một điện thoại di động hiệu CPH1825/OPPOF9, màu tím, số IMEI1: 860163043976450; IMEI2: 860163043976443 (đã qua sử dụng).

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Hoàng Quốc V và Hoàng Thị Thúy Q, mỗi bị cáo nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. H;
- Chi cục THADDs Tp. H;
- Công an Tp. H;
- UBND xã A, M-TG;
- Bị cáo; Người TGTT;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tạ Chí Dũng